

**ĐẠI BÁT-NIỆT-BÀN KINH TẬP GIẢI***Sưu Tập trình bày: Pháp sư Bảo Lượng-Đời Lương.***QUYỂN 32****Phẩm 19: THÁNH HẠNH (Phần 6)**

- Hội thông chung nghĩa bốn đế - Giải thích nghĩa hai đế.
- Giải hoặc đối nhau, giải thích nghĩa hai đế.
- Hư thật đối nhau, giải thích nghĩa hai đế.
- Hữu, vô đối nhau, giải thích nghĩa hai đế.
- Giả, thật đối nhau, giải thích nghĩa hai đế.
- Hữu vi, vô vi đối nhau, giải thích nghĩa hai đế.
- Thân sơ đối lập nhau, giải thích nghĩa hai đế.
- Giải thích nghĩa mười đế - Chân, bất chân, nói về thật đế.
- Điền đảo, không điền đảo, nói về thật đế.
- Luống dối, không luống dối, nói về thật đế.
- Đại thừa, chẳng phải Đại thừa, nói về thật đế.
- Phật nói ma nói, nói về thật đế.
- Một đạo thanh tịnh không hai, nói về thật đế.
- Có thường, có lạc, nói về thật đế.
- Giải thích hư không, Phật tánh, phi đế là thật.
- Giải thích bốn đế, đương thể là thật.

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến  
“Vì sao Đức Như lai lại bảo rằng không nói?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trên nói người Nhị thừa có đế không có thật, vì không biết thường. Nay, nói thấy khổ của ba cõi cũng có cạn sâu, chứng thành nghĩa trên.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Bốn đế mà trên đây, nói, mỗi đế đều chắc thật. Sau đây, đều sẽ có cách giải thích riêng, chỉ Diệt đế thiếu văn hội thông mà thôi. Bốn đế đã nói xong. Nay hợp chung chỉ thú chung và riêng của hai giáo xưa nay”.

Phật nói: “Này người thiện nam! Dù lại nhập nhưng vẫn không

gọi là nói.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dưới đây là nói xong môn Bốn đế. Thứ ba, là hội thông chung, nói về muôn pháp mà Đức Phật đã giác ngộ rõ, như cỏ mọc trên mặt đất, mà xưa kia nói cho người Nhị thừa, như cỏ trong lòng bàn tay, nên hôm nay, Bồ-tát Ca-diếp nắm lấy việc này để nêu lên câu hỏi. Hỏi: “Phật đã giác biết rõ pháp, như cỏ trên mặt đất, là có nhập vào bốn đế hay không? Lẽ ra phải có năm đế? Đức Phật đáp: “Điều thâm nhiếp vào lý bốn đế, mà trong dĩ vãng đã lấy không ngoài bốn đế. Bốn đế được gọi là gồm thâm, thì về mặt lý há có bỏ sót ư? Chính vì cho nên nói rằng “Điều gồm thâm ở bốn đế, dù nói là đã xếp vào trong bốn đế, nhưng cũng vẫn không gọi là nói. Vì sao? Vì nếu xem xét cảnh này, cùng cực thì sinh trí, cũng thỏa mãn người Nhị thừa, chỉ biết tướng chung của các pháp, chứ chưa thấu suốt chỉ thú sâu xa uẩn khúc của các pháp, nên sinh giải thoát kém. Đối với sự nhận biết về pháp môn, cũng hạn cuộc trong cạn cợt. Nếu sự hiểu biết không như Phật, thì phải biết rằng chưa tận cùng cảnh, để nhận thấy cảnh chưa cùng khắp. Vì cho nên ở người bên này mà trông qua bên kia, thì chỉ được nói rằng gồm thu thì không hết, cho nên, dù có nói nhưng không gọi là nói.

“Này người thiện nam! Biết Thánh đế có hai thứ trí” cho đến “Trong các kinh khác, ta hoàn toàn không nói .”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sinh diệt, chứa nhóm, gọi là ấm, cũng có nghĩa là khổ. Bốn đế vốn là tướng chung của Thanh văn. Nói khổ là tướng riêng để biết, chẳng phải kinh kia đã nói.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nếu nói theo kinh Thắng Man thì có tám đế, giáo xưa chỉ nói bốn, mà là “Thánh đế vô tác”. Giáo xưa chưa nói, nay y theo kinh này, chẳng những không tạo tác, chưa nói nghĩa tạo tác, mà cũng chưa được rõ ráo. Vì sao? Vì, như nói tướng ấm, sắc thì có mười bốn thứ, tâm thì có tướng, thọ, hành, đây là tướng chung, cảnh sở tri của trí trong phân biệt thô. Nếu giải thích theo tướng tế, thì chẳng hạn như một sắc ấm là do rất nhiều trần hình thành, rất nhiều hành nghiệp chiêu cảm. Tâm thì niệm niệm sinh diệt, rất nhiều sát-na mới tập khởi tướng? Chính là vì cảnh sở tri của tám trụ, chín trụ, nên kinh Thắng Man chưa nói.”

“Này người thiện nam! Biết các nhập, được gọi là môn” cho đến “Trong kinh ấy ta cũng không nói đến.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nhập là nghĩa xứ, biết chung là nghĩa Môn.”

“Này người thiện nam! Biết các giới gọi là phần” cho đến “Trong

các kinh khác, cũng không nói.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Giới nghĩa là tánh, phần, khác nhau đều là tên gọi của đương vị. Về nghĩa giống như trên đã giải thích. Tâm lấy khả năng nhận biết làm tánh. Sắc lấy ngăn ngại làm tánh.”

“Này người thiện nam! Biết được tướng sắc hoại, gọi là trí bậc trung” cho đến “Trong các kinh khác, ta cũng không nói.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là y cứ môn bốn đế, để nói ái là tập, chủ thể sinh ra năm ấm là khổ. Từ đây trở xuống là văn về Diệt, Đạo.”

“Này người thiện nam! Biết thế đế, đó gọi là trí bậc trung” cho đến “Các nghĩa ấy trong kinh Thắng Man, ta cũng không nói.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Lại gồm thâm chung pháp môn thành một thế đế, là sở tri của trí bậc thượng. “Tất cả hành vô thường, các pháp vô ngã, Niết-bàn vắng lặng, lại gồm thâm thành chân đế. Nói hành vô thường... giúp phát sinh sự hiểu biết chân thật của con người, chỉ nói lược về môn “Không”. Niết-bàn là chỗ đoạn dứt của ba tâm xưa. Vắng lặng vô sinh là Đệ nhất nghĩa đế.”

“Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi” cho đến “Đệ nhất nghĩa đế, nghĩa ấy thế nào?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Là nghĩa “Một” mà danh “Khác” hay danh nghĩa đều khác?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Ở trên, nói bốn đế, nghĩa của bốn đế thì hẹp. Nay, nói hai đế, lý của chúng thì rộng, vì đều là cảnh của trí. Sở dĩ nói bốn đế hẹp là vì đây là trong đạo đế này được chia thành bốn. Nay, Đệ nhất nghĩa môn môn so với bốn đế trước. Vả lại, hư không và phi số duyên diệt không thuộc trong bốn đế. Nay, do hai đế mà gồm thâm, tức là thuộc về thế đế.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Sẽ nói hai đế, trước là lập ra một câu hỏi với hai điều thắc mắc. Đây là câu hỏi thứ nhất về thể tướng của đế phải chăng? Bạch Đức Thế tôn! Trong nghĩa đệ nhất có thế đế, trong bất thế đế có đệ nhất nghĩa hay không?”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Về lý, không có hai sự thật, mà có hai danh, nếu tướng kia “có” thì không nên đặt ra hai. Nếu tướng kia là “Không” thì cả hai tướng này đều giả dối.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Sẽ nói về hai đế, Danh khác, mà thật đồng, nên sự thật của Đệ nhất nghĩa, tức có sự thật của thế đế. Sự thật của Thế đế tức có Đệ nhất nghĩa, là để hỏi sự thật của hai đế tướng thật hay không, chứ không hỏi về nghĩa của hai Danh thật tướng hay

không.”

“Nếu là “Có” thì tức là một đế.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nếu danh, nghĩa đều khác, hữu, vô có cùng lúc, thì hai không song hợp, thường là một đế.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Như một sự thật có hai, thì hai không khác thật, nếu hai không khác thật, thì hai tức là một.”

“Nếu là không có, thì sẽ không phải là Như lai đã nói dối ư?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nếu là một đế mà nói có hai nghĩa thì lẽ ra một là lưỡng đối, nên nói rằng sẽ không phải nói lưỡng đối ư?”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Nếu tướng đế kia là “Không”, thì hai danh sẽ không có thật. Nếu không có thật mà có hai danh thì há chẳng phải lưỡng đối ư?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trước mở ra hai quan hệ để tìm chỉ thú của đế kia: Nếu trong chân có tục, thì tục sẽ đồng với chân. Nếu trong tục có chân, thì chân sẽ đồng với tục. Nếu vì chân đồng với tục thì chỉ một thể đế, vì tục đồng với chân thì một chân đế, không nên có thuyết của hai đế. Nếu tục không dung chân, chân không dung tục thì đây là Việt tự nhiên, nếu trong chân không hề có tục, mà Đức Như lai lại nói “Sắc” tức “Không” thì đây là thuyết lưỡng đối!”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thế đế do lưỡng đối nên có, tức thể chẳng khác “Không”. Nếu “Không” mà có thể khác “Không” thì đâu có “Không” để khác với “Hữu”? Vì thế, nên hữu, vô mà là một thể thì tên hai đế được thành lập. Nếu có cái hữu để “Không”, thì tức là trong Thế đế có Đệ nhất nghĩa. Cái “Không” đã “Chẳng có” chỗ, thì không vũng chẳng có cái “Không” để khác với cái có, tức là trong Đệ nhất nghĩa có Thế đế vì cả hai đã không có nhau, nên biết được hữu, vô có thể “Có”. Chẳng có cái “Không” để “Không”. Nếu có cái “Có” để “Có”, thì có cái “không” để “Không”. Đây tức là có lẫn nhau. Biết được các pháp từ trên đến đây là không, chẳng có mảy may tướng cuối cùng, thì chỉ đối với người bệnh là “Có”, đối với người am hiểu thì thường không. Bồ-tát Văn-thù đã suy tìm đến chỗ cùng cực của câu hỏi để làm rõ lý này.”

“Này người thiện nam! Thế đế chính là Đệ nhất nghĩa đế.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Hoặc (mê lầm) đều cho sự mê lầm là thật, gọi là thế đế. Dù nói là thế đế, nhưng vì sự thật thì không khác, nên là Đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa thì không bao giờ biến thành thế đế.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Muốn nói cả hai Thế đế và Đệ nhất nghĩa đế đều là luống dối. Vì sao? Vì hai sự thật thì không thể “Tức” nhau, mà đã “Tức” nhau thì đủ chứng tỏ rằng cả hai đều là “Không”.

Pháp sư Pháp Dao nói: “Tên gọi không có hai thật, mà chỉ một thôi. Lý một thật, về mặt lý, thì không thể gọi, đâu thể là tức, chỉ mượn “Tức” để biết rõ “Tức”, gọi là không có hai thật, chứ chẳng phải có một cái thật để “Tức”.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Một lời đáp nói lên hai mối quan hệ với nhau: Đã nói “Tức” thì đâu có lỗi “Sở viết”, “Tức” lý là đồng, chẳng lẽ có lỗi nói dối hay sao? Cho nên nói “Tức” là vì chẳng phải lấy “Không” để tạo ra “Sắc”, lấy “Sắc” để tạo ra “Không”, bởi Đệ nhất nghĩa đế xưa nay vốn “Không” thật có. Nay nói Thế đế “Không thật có”, mà đã “Không thật có”, thì đâu thể phân biệt được ư? Nên nói là “Tức”.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Người bệnh bèn nói sinh ra mê lầm (hoặc). Nay, vì muốn giữ lấy tâm mình buộc nó phải dừng lại, cho nên nói rằng Thế đế “Tức” Đệ nhất nghĩa đế, không tìm kiếm pháp ở ngoài pháp, chỉ tìm tên gọi “Tức” vốn y cứ trong “Một”, “Khác” để giải thích mà thôi, chứ thật sự không phải là hai thuyết trái nhau.”

“Bạch Đức Thế tôn! Nếu vậy thì sẽ không có hai đế?”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Nếu Thế đế “Tức” Đệ nhất nghĩa đế thì chỉ có Đệ nhất nghĩa đế chứ không có thế đế.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lãnh hội sâu sắc về chỉ thú “Tức nhau”, để gạn lọc giáo xưa mà nói là có hai sai lầm!”

Phật nói: “Này người thiện nam! Có phương tiện khéo léo” cho đến “Một là pháp thế gian, hai là pháp xuất thế gian.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Về lý, như đã nói, chỉ “Một” không hai, phương tiện tùy tục thì nói hai!”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Pháp vốn không có danh tướng, đường ngôn ngữ dứt, chẳng lẽ có thể lấy tên hai đế để chỉ bảo cho chúng sinh biết hay sao? Phương tiện khéo léo, giả gọi chân tục, nhằm khuyến dụ người ngu hầy gần gũi với đạo mà thôi, chứ chẳng phải nói lý có hai.” Pháp sư Tăng Tông nói: “Nếu dùng nghĩa “Không thật có” để giải thích, thì sẽ không có hai. Nếu có cái “Có” để được mà công dụng giả thì hai danh sinh ra, tức là sự sinh của hai danh, y theo vật tình mà lập.

Sau đây là có sáu lớp giải thích:

1. Vì “Giải” hoặc đối nhau.
2. Hư, thật đối nhau.
3. Hữu, vô đối nhau, là điều mà Bồ-tát Văn-thù hỏi.

4. Giả thật đối nhau.
5. Hữu vi, vô vi đối nhau.
6. Gần xa đối nhau.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Khéo léo nghĩa là có khả năng nói hữu của bất hữu, vô của bất vô đặt ra hai tên gọi để dẫn dắt chúng sinh. Tuy nhiên vì giải ngộ khác nhau, nên không mở rộng sáu lớp, lại giải thích chỉ thứ đó.

Sau đây thứ nhất, là y cứ vào hai hạng phàm, Thánh để nói về hai đế. Nói về hữu là hữu của “Giả hữu”, chẳng có “Thật hữu” để được, “Không” là cái “Chẳng có” của nhân duyên, cũng chẳng có cái “Không” để đầy đủ cả hai. Xứng với hai lý này mà hiểu, thì người xuất gia gọi Đệ nhất nghĩa. Nếu thuyết mà người đời đã nói, nghĩa là hễ nói hữu thì nói rằng có tánh, nói vô, tức cho là đoạn diệt, thì là hữu, vô đều không có thật và sai lầm, vì không rõ lý, nên đối với người này, đều gọi là thế đế.”

“Này người thiện nam! Như cái mà người xuất thế biết” cho đến “Mà biết được, thì gọi là Đệ nhất nghĩa đế.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Năm ấm hòa hợp, chẳng phải “Tức”, chẳng phải “Lìa”, không có tướng nhất định. Bậc Thánh như tánh tướng của năm ấm đó mà biết, vì hơn hẳn người đời, nên gọi là Đệ nhất nghĩa.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thế pháp là tám pháp thế gian, trái lại, tức là xuất thế. Cái biết của xuất thế, đó là ba giả và “Không” đều là Đệ nhất nghĩa. Cái mà người đời biết, chắc chắn có tướng, như trâu chắc chắn là trâu, không thể là ngựa, cũng được nghĩa thật, là thế đế.” Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là lớp thứ nhất, năm ấm hòa hợp, gọi là gì?: Đây là nêu cái mà phàm phu biết, để nói về “Hoặc”, hiểu được ấm là “Không”, đây là nêu cái biết của bậc Thánh, để nói về “Giả”.”

“Lại nữa, này người thiện nam! Hoặc có pháp” cho đến “Khổ, tập, diệt, đạo”, gọi là Đệ nhất nghĩa đế.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Ngọn lửa nóng lấy không thật làm thật, đây là thế đế. Nhận hiểu ngọn lửa nóng kia không thật, là Đệ nhất nghĩa đế.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nghĩa thật như khổ, tập... có công năng dứt trừ “Hoặc”.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trên lớp thứ hai, hòa hợp với ấm để nói về “Giả”, “Hoặc”. Nay, nói cảnh có hư, thật, nghĩa là lý của bốn đế.

Khổ thật sự là khổ, không thể làm cho vui. Tập, diệt, đạo đều như thế. Thế đế lấy nghĩa luống dối nặng, không thật có. Biết “Ngã” chúng sinh, là vượt ngoài việc không thật.

Lại, nói các ấm, giới, nhập, là như Tiểu thừa không giống, vì đây mới là “Duyên” pháp thành. Nếu chấp ấm, giới nhập là thật, thì về lý, không thật có, đâu khác với ví dụ vòng bánh xe quay... .”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đây là lớp thứ hai, y cứ vào hư, thật, để nói về nghĩa, vì luống dối mà có, cho nên là thế đế, vì hợp lý nên là chân đế.”

“Này người thiện nam! Pháp thế gian có năm thứ” cho đến “Biết đúng như thật, đó gọi là Đệ nhất nghĩa.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Cái mà đời chấp mắc là thế đế. Vì nhận biết đúng như sự thật kia là Đệ nhất nghĩa.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thế đế không ngoài năm thứ này: thứ nhất là giả danh. Giả danh có nhiều thứ như chúng phần giả, tương tục giả, tương trì giả, cũng có pháp giả, nói chung là tất cả thế đế. Bốn chữ dưới là các chữ riêng, hợp lại, gọi là câu. Các sắc kết hợp thành sự ràng buộc. Âm thanh bảo cho biết, sai khiến là pháp. Y phục, nêu lên tướng mạo cho mọi người thấy, là chấp mắc. Không có những thứ này là Đệ nhất nghĩa.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là lớp thứ ba. Đối với năm pháp này, tâm không điên đảo, biết đúng như thật về thế không thật có, tức Đệ nhất nghĩa đế”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Lớp thứ ba là dùng “Không” “Hữu” để nói về nghĩa. Có tên, có công dụng là thế đế. Tánh “Không” là Đệ nhất nghĩa”.

Lại nữa, “Này người thiện nam! Hoặc đốt, hoặc cắt đứt” cho đến “Không có chết. Không có hư hoại, đó gọi là Đệ nhất nghĩa đế”.

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Đó là lấy tương tục giả, gọi là thế đế, vì mỗi niệm diệt. Pháp thật là Đệ nhất nghĩa”.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là lớp thứ tư, y cứ vào giả thật để nói về nghĩa. Như phẩm Đăng Chú trong kinh Bát-nhã nói”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Giải thích đồng nhau.

“Này người thiện nam! Có tám tướng khổ,” cho đến “Không có năm ấm lừng lẫy ấm, đây là Đệ nhất nghĩa đế”.

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Vì có nhiều “Hoặc” nên thuộc về thế đế. Vì không có nhiều “Giải”, nên là Đệ nhất nghĩa”.

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ở trên nói khổ là Đệ nhất nghĩa, nay



nói là thế đế”.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Lớp thứ năm, nói về Kim Cương trở xuống, chưa tránh khỏi tám khổ, là thế đế, chỉ có quả Phật là đối lập với tướng tám khổ, nên gọi là Đệ nhất nghĩa.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Giải thích đồng nhau”.

Lại nữa, “Này người thiện nam! Ví như một người” cho đến “Thật ra là một mà có nhiều tên”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trên nói về chân, tục đều là thế đế. Tùy lợi ích của Thế đế mà có nhiều, có ít. Nhiều gọi là chân ít gọi là tục”.

“Do cha mẹ hòa hợp mà sinh, gọi là thế đế”.

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Phụng sự gần, xa là thế đế, được thật là Đệ nhất nghĩa”.

Mười hai nhân duyên hòa hợp mà sinh, gọi là Đệ nhất nghĩa đế”. Xét: Pháp sư đạo sanh nói: Giải thì kiến, gọi là Đệ Nhất nghĩa, người có hoặc là thế đế.

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Biết từ cha, mẹ thì lợi ít gọi tục. Biết mười hai nhân duyên thì lợi nhiều gọi là chân.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Lớp thứ sáu, y cứ vào gần, xa để đặt tên. Mười hai nhân duyên là gần, nghĩa là vì thấy ở lập quả, do vô minh, hành... trong quá khứ, khiến cho cha mẹ thành duyên ngoài, cho nên thành xa. Tìm xét chỉ thú của văn này, vốn nói về nghĩa “Không” “Hữu” của hai đế, gồm thu phép tắc rộng rãi. Nay, sáu lớp đã nói, đều y cứ vào cách đối đãi nhau trong sự, đã nói rõ ở đây. Chỗ trở về của chỉ thú ở câu thứ ba”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Giải thích đồng nhau.

“Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi” cho đến “Thật đế của Phật đã nói, ý nghĩa thế nào?

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Y theo thuyết trước nói không rõ, giống như thật đế, hoàn toàn khác với bốn đế, nên lại hỏi”.

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hỏi một đế là chung cho sáu đế trên, gọi là thật đế. Vì nhị, thừa ở trên có khổ đế, tập đế mà không chân thật, dường như không thuộc về thật đế của người Nhị thừa. Vì thế, nên phải nói”.

Pháp sư Pháp Dao nói: “Trước đã nói thật đế của Nhị thừa, Bồ-tát có. Nay, hỏi lý do Bồ-tát có được nghĩa của thật đế?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là nói về cảnh tuệ thứ ba, nói về thật đế. Trên, hội thông bốn đế, nói là Thanh văn có khổ, có khổ đế mà



không chân thật. Bồ-tát hiểu khổ không có khổ, mà có chân thật. Nếu hiểu lý mà chân thật, thì còn có cảnh nào? Vì sở tri của Thanh văn, nên mới nêu lên câu hỏi này”.

“Phật nói: “Này người thiện nam! Nói thật đế, là pháp chân thật”.

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Thường, lạc, ngã, tịnh, gọi là pháp chân thật. Bốn đế có, thì gọi là nghĩa thật”.

“Này người thiện nam! Nếu pháp chẳng chân, thì không gọi là thật đế” cho đến “Thì gọi là nghĩa thật đế”.

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Người Nhị thừa dù có bốn đế, nhưng vì không có chân thật, nên “Hoặc” trở thành “Hoặc” luống dối của tám đảo. Do đó, dù có được kiến giải đi nữa, cũng không phải là sự hiểu biết của Đại thừa. Nếu thể nhận được bốn đế chân thật thì đã không có bệnh”.

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Phật dùng bảy nghĩa để nói là thật: pháp chân thật vì lấy thể thường không có biến đổi, không điên đảo, vì cảnh trí đều là thật. Không hư, vì lời nói không có luống dối. Đại thừa vì lấy rốt ráo diệt hết khổ. Đức Phật nói vì lời nói không sai lầm. Một đạo, vì không có nhân khác. Thường lạc vì vô thượng trong quả. Đây là nói lên pháp thật, chẳng có pháp nào không thật”.

Pháp sư Pháp Dao nói: “Thường, lạc, ngã, tịnh là pháp chân thật mà Bồ-tát đã thể nhận, tức là không do điên đảo, mà hiểu chúng một cách chân chánh, xác thật, không thay đổi, đáng nói là thật. Trí, chẳng có đối tượng nào không xem xét, chẳng có pháp nào không nhận thức. Nghĩa của xem xét, nhận thức, đáng nói là “Đế”. Chính vì thế, nên sự hiểu biết của Bồ-tát thật đáng được gọi là pháp chân thật, không điên đảo, không luống dối, gọi là Đại thừa, người của một đạo thanh tịnh, đủ các nghĩa này gọi là thật đế”.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Thật đế này, nói về lý thì thật minh minh! Vì sao? Vì hai đế trước chính là gồm giải thích, không gồm thâm chỉ thú quên giải thích. Nay, thật đế tức thể để nói về nghĩa, quên đi chỗ giải thích, cũng lại là thật, tức là “Hoặc” Dưới “Giải” trên, còn có một lý nào không tường tận ư?”

Y theo văn, dù có tám câu, nhưng về nghĩa thì không ngoài sáu. Đầu tiên, nói về người tu hành quả Phật là thật. Thứ hai, thứ ba, là hai câu điên đảo luống dối, dùng “Giải”, “Hoặc” để nói về nghĩa. Thứ tư, thứ năm, căn y theo giáo để nói về sự thật. Thứ sáu, nói về nhân thật. Thứ bảy, nói về quả thật. Nay, sáu câu đã không gồm thâm tất cả, lại dùng thật cảnh để gồm thâm. Hai câu thứ nhất, thứ bảy ở trước thì y cứ

vào nhân, sau này thì y theo “Pháp”, vì lập trường này là khác!

Diên đảo luống dối: Y cứ vào chỗ nặng nề của “Hoặc” kia để nói. Luống dối, nghĩa là từ chưa tránh khỏi “Hoặc” với nhau, tâm Kim Cương trở xuống là nói theo chỗ nhẹ”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Có bảy lớp nói về sự thật.

1. Nói về thể của quả là thật. Pháp chân thật: Nếu pháp không chân thì sẽ không gọi là thật, nên biết được Diệu thể của thân mình chẳng phải do nhân nguy sinh ra. Về tướng lý vắng lặng, vượt ngoài lời nói, chỉ một pháp này cũng có khả năng xứng chân mà thật.

2. Y cứ vào cảnh giới để nói về thật.

3. Y cứ vào chánh trí là thật, tà “Giải” chẳng phải thật.

4. Nói Đại thừa là thật, Tiểu thừa chẳng phải thật.

5. Nói về giáo thật, điều mà giáo xưa giải thích chưa quyết định tử mĩ về sự thật, phải là Đức Phật nói đương thời hữu ích, cho nên là thật. Ma giáo khuấy rối chân làm cho người tu hành phải rơi vào vòng sinh tử, nên nói chẳng phải thật.

6. Một đạo thanh tịnh, là nói về nhân thật, một đạo là một nhân, nếu có một nhân khác thì chẳng phải thật.

7. Thường, ngã, lạc, tịnh, nói về quả thật. Vì sao khác với câu thứ nhất? Vì câu ấy nói về thể của quả, là nói khi đắc quả. Đây là nói về việc làm của đệ tử Phật, chắc chắn sẽ được bốn pháp này, nên đây là nói quả trong nhân, lấy đó làm khác”.

“Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn” cho đến “Không khác với Phật tánh”.

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Trước kia nói rằng bốn đế có thật, gọi là thật đế, mà Như lai, hư không, Phật tánh đều là chân thật, tức là bốn đế chân thật, hợp thành ba. Vì ba hữu không thật, nên phải phân biệt”. Pháp sư Tăng Lượng nói: “Văn-thù cho thường là chân thật.

Pháp thường có ba: Đó là quả gọi là Như lai, nhân gọi là Phật tánh, những thứ còn lại gọi là hư không. Ba pháp thường này không khác nhau, có tự thể

chân thật, pháp khác chẳng phải thật.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Đã nói Bồ-tát được làm nghĩa thật đế, dường như ngang bằng với Phật, nên phát ra câu hỏi này. Sẽ chỉ rõ Như lai khác với Bồ-tát: Bồ-tát có thật, có đế, còn Như lai chỉ có thật mà không có đế. Vì sao? Vì đế có nghĩa là dụng chiếu sáng, xem đoán. Như lai thì lý cùng cực, đạo dứt, thôi chiếu, bỏ xem xét, trong lặng, mãi mãi yên ổn, vì thế, nên không có tên đế. Vì thường trụ không thay đổi, nên có tên gọi là Thật. Lại có nghĩa: Một đế là tên vật cố định. Như lai

cùng cực vắng lặng, vượt ngoài danh số, vì danh chẳng quyết định được, nên dưới đây sẽ nói rộng về bốn đế, nhằm giải thích Như lai không có nghĩa Đế.

Từ đây trở xuống, chưa cùng tận lý. Nếu lý cùng, thể viên, chiếu sáng, xem xét sự vật, thì được gọi là quyết định.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Bồ-tát Văn-thù nhận hiểu sáu câu dưới, đặt ra câu hỏi, tức là Như lai, là từ ngữ hội ba pháp đế nhận hiểu. Sở dĩ có sự nhận hiểu này là vì trước đây dù nói là đồng với thật, nhưng dường như khác với quả, thể là một, nên phải phân biệt.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây là phân biệt bảy môn trên. Y theo sự giải thích trong chương thứ nhất có năm lớp:

1. Nói “Khác”.
2. Giải thích “Khác”.
3. Kết chân.
4. Sai khiến đối trị.
5. Nắm lại các khổ để kết câu.

Đại ý hỏi: “Chỉ có ba pháp như hư không... là ngoài ba pháp thật đế, không còn có thật đế khác ư?”

“Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: “Có khổ, có đế” cho đến “Phật tánh chẳng phải khổ, chẳng phải đế là thật.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nếu cho rằng không thay đổi là thật thì có thường mà không thay đổi, vô thường mà không thay đổi. Thường, vô thường khác nhau, nghĩa thật không khác, tất cả đều thật.”

Chẳng phải khổ, chẳng phải đế: Là “Giải thích nghĩa thật, vì học địa tìm cầu, nên có đế không đế. Vô học không có mong cầu, nên chẳng phải đế.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Phàm phu có khổ, không có đế, Nhị thừa có khổ có đế, Bồ-tát có đế có thật, Đức Như lai có thật, không có đế.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Dưới đây sẽ có năm lớp giải thích:

1. Trải qua bốn đế, nói Như lai khác nhau.
2. Giải thích lý do khác nhau.
3. Giải thích tâm nghi của người. Nghi rằng, có thể khác với bốn đế. Nhưng ba pháp này đâu hẳn là không có tự thể riêng? Nay nói ba pháp một thể, cho nên là thường, trở thành nghĩa khác nhau.
4. Kết thúc chẳng phải.
5. Tổng kết, giải thích.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đây là lớp thứ nhất, nói về “Khác”. Trải khắp bốn đế, đương thể đều là thật, tuy đương thể là thật nhưng chẳng

phải thật của ba pháp trên, nên dưới đây nói: “Như lai chẳng phải khổ, chẳng phải đế là thật, nghĩa là thật của quả đế cùng cực chẳng phải cái thật của bốn đế.”

“Văn-thù-sư-lợi! Nói khổ” cho đến “Hư không, Phật tánh cũng giống như vậy.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Lý khổ, thật như vậy, nên gọi là chắc chắn, xét là thật đế. Lại, gọi Bồ-tát, là hiểu khổ được thật, là thật đế. Về nghĩa của ba đế dưới cũng đồng. Như lai chẳng phải đế, vì như trước đã giải thích, nên không giải thích từng câu một.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Lớp thứ hai, giải thích lý do nói là pháp vô thường trôi chảy đoạn hoại. Pháp sư Bảo Lượng nói: Lớp thứ hai là giải thích khác. vì sao? Vì thật của Như lai chẳng phải là thật của bốn đế. Khổ là pháp có thể dứt bỏ, vì thật của Như lai không thể dứt trừ, cho nên khác nhau.”

Lại nữa, này người thiện nam! Cái gọi là Tập cho đến hư không Phật tánh cũng giống như vậy.

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Tập, có công năng làm cho năm ấm ở vị lai được hòa hợp và thể của chúng là lưu động.”

“Này người thiện nam! Nói diệt, là phiền não dứt diệt” cho đến “Hư không Phật tánh cũng giống như vậy.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Xét danh mà nói, thì chỉ ở kiết diệt, không đề cập đến bất diệt. Kiết diệt hại trừ, về lý nên chứng biết. Ở đây gọi là đế. Đế lấy xét sự thật làm nghĩa, nên nói là thật, chứ chẳng phải cái gọi là thật đế ở trước nói.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Diệt đế, noi diệt là vì không có phiền não, chứ không có pháp nào gọi là diệt. Dưới đây, thông qua học địa có thường, vô thường, do trí chứng diệt, nên gọi là chứng pháp. Tánh của Như lai rốt ráo không gọi là chứng. Biết là do trí gọi là chẳng phải không có. Nếu dứt được phiền não thì chứng chẳng phải không có. Dứt trừ được kết, chỉ là tánh quả, không thông qua chẳng phải thường, vô thường của học địa. Trí không thể tự chứng vì chẳng phải chứng pháp.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Diệt có hai thứ: Một là kiết diệt; hai là Niết-bàn. “Thiện” cũng có danh gọi là diệt, thiện có diệt tức là Như lai. Nay, nói kiết diệt, không nói “Thiện” có diệt, cho nên cái gọi diệt, là phiền não diệt. Kiết của Nhị thừa diệt là chưa cùng cực. Cùng cực nghĩa là vì dứt kiết, nên vô thường. Kiết của Phật đều diệt, là tích cực diệt, cùng cực diệt, không có duyên cố gì làm thay đổi được nên thuộc

về thường. Dù là diệt, nhưng thể đều là diệt kiết mà thôi. Chẳng phải là thể vô phương của Như lai, nên sẽ diệt, gọi là dĩ vãng, chắc chắn nói là đế diệt. Vô sinh diệt có thể nói là thật, đây là nghĩa thật đế. Lại, y theo kiến giải của Bồ-tát là thật đế.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Người Nhị thừa diệt ba tâm, dù còn vô vi, nhưng chưa phải cùng cực và vì còn có sự cầu tiến, nên gọi là vô thường. Lĩnh vực mà Chư Phật đã dứt trừ đều đầy đủ ở đây, vì không còn tiến thêm nữa, nên thuộc về thường. Nay Đức Như lai không gọi là diệt, chẳng phải thường, vô thường, chẳng gọi là hai thứ diệt, gọi là chứng biết, không gọi là hai pháp đã chứng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Vì thể không có vật, nên thuộc về thường, tuy nhiên, vì có mãn, không mãn, nên gọi là vô thường. Tánh Như lai không gọi là diệt, là nói “Diệt” của Như lai chẳng phải là năng “Diệt” phiền não dứt sau, cũng chẳng phải cái thường của dứt vô. Lại chẳng thể chứng đắc. Thường trụ không biến đổi, đã là “Diệt” của đoạn diệt thì chẳng phải tịch của chân thường. Nói thẳng là vì tánh này không thay đổi, nên nói là thường trụ.”

“Này người thiện nam! Đạo là dứt bỏ được phiền não” cho đến “Hư không Phật tánh cũng giống như vậy.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Tên của đạo là ở công dụng thông suốt qua, không nói không có công dụng. Chưa cùng cực thì phải chuyển biến tinh tấn hơn lên, nên là vô thường. Đã cùng cực rồi thì là thường.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì đạo là nhân của diệt, nên gọi là năng đoạn, vô lậu vì không lui sụt nên nói là thường. Vì thể của đạo là sinh, diệt, vô thường, hữu vi, nên còn gọi là pháp tu. Như lai chẳng phải đạo, cho đến chẳng phải pháp tu. Như lai không suốt qua Học địa, vì chẳng phải là nhân diệt, nên chẳng phải đạo, tuy Như lai có khả năng dứt kiết, nhưng chẳng phải đạo hữu vi, chẳng phải thường, vô thường, cũng chẳng phải pháp tu.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Danh từ đạo, là đời đời tiến thú, dụng công trừ diệt. Đức Như lai thì hoàn toàn không có công phu này, vì cho nên chẳng phải đạo.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Cũng thường, vô thường, là nói người Nhị thừa thì làm lại, cầm giữ, lại hướng về nghĩa Phật, nên gọi là vô thường. Bồ-tát vốn tự hướng về Phật, vì không có chuyện làm lại cầm giữ, nên là thường. Đức Như lai chẳng phải đạo có khả năng dứt phiền não, có khả năng vì đạo giải thoát mà chứng dứt. Chẳng phải thường, vô thường, chẳng phải hai thứ đạo.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Tự bốn thời kinh giáo không có lời này. Nay, Đại thừa liễu nghĩa, thì chỉ thú của kinh giáo kia mới bắt đầu phán quyết. Được biết thần minh lấy chân, tục làm bản chất. Vô lậu, giải thoát đã nhờ sau khi phát được một trong các quả báo này, nên kiến giải kia thường còn, chỉ đối với công dụng của tục đế, tự có thể dứt. Y cứ vào chân để giải thích, thì bên dụng thường mà không hư hoại. Việc này cũng không liên quan gì đến thường của nối tiếp nhau. Kinh nói: “Vốn được không mất, vì người tốt được đặt tên. Nay tìm kiếm chỉ thú này, tất nhiên chẳng phải pháp trước sinh, sau diệt. Đoạn văn dưới đây lại nói: “Phiền não cũng thường, vô thường. Sau khi khởi phiền não, nếu chưa được đối trị về sau thì, thường gây chướng ngại cho người tu hành. Dù có lời này, nhưng vì từ đầu đến cuối, đều được sức đạo đối trị, nên cuối cùng sẽ rơi vào môn vô thường! Tuy nhiên, đạo đế từ đầu đến cuối không có một pháp nào bị cái khác đối trị nữa, nên trước sau trở thành thường. Chính vì chưa nhóm Thập địa để nói về kiến giải đã mãn, thành tựu quả cùng cực. Khi kiến giải chưa mãn thì gọi là Nhân. Nếu mãn thì gọi là quả.”

“Này người thiện nam! Nói chân thật” cho đến “Phật tánh chính là chân thật.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Lớp thứ ba, là giải thích lý do là thường. Vì ba pháp không khác nhau, nên được như vậy.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Lớp thứ ba là kết chân.”

“Này Văn-thù-sư-lợi! Có khổ, có nhân khổ” cho đến “Hư không và Phật tánh cũng giống như vậy.”

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Nói bốn đế đã khắp, nên kết thúc nghĩa trên đây, đã nói rằng Như lai chẳng phải đế, là thật.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Lớp thứ tư, kết thúc là chẳng phải.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Lớp thứ tư, nói về bốn đế, vì là đối trị gọi là thật. Như lai như thật vì chẳng phải đối trị, nên là thật của chân thật.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Lớp thứ tư, kết thúc “Không” phải?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Phần thứ nói về tứ đế, vì là đối trị, nên gọi là thật. Như lai như thật vì không phải đối trị. Nên là sự thật của chân thật.”

“Khổ, là hữu vi, hữu lậu, không có niềm vui” cho đến “Yên lặng, yên vui là thật, chẳng phải đế.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Lớp thứ năm, là kết thúc việc giải thích.”

---

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Lớp thứ năm, dùng khổ để kiết  
câu: “Nói Như lai chẳng phải hữu lậu, mà là vắng lặng, yên vui. Thế  
nên là thật.”

